CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/SGBINHTAY/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY**

Địa chỉ: 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (084) 28 3824 3586 / (084) 28 3915 1822 Fax: (084) 28 3915 1856

E-mail: info@sabibeco.com

Mã số doanh nghiệp: 0304116373

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **SAGOTA PURE**

Tên thường dùng: Tiếng Việt: BIA SAGOTA PURE

Tiếng Anh: SAGOTA PURE BEER

2. Thành phần: Nước, Đại mạch, Hoa bia

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Hàm lượng cồn (Ethanol) ở 20°C tính theo thể tích: 5.0 ± 0.5%.

4. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 9 tháng kể từ ngày sản xuất; ngày sản xuất in ở cổ chai; hạn sử dụng in ở cổ chai.

5. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: sản phẩm bia được đựng trong chai thủy tinh, đóng nắp bởi nút khoén bằng thiếc có lớp lót bên trong bằng PVC (lớp lót tiếp xúc trực tiếp với bia). Thể tích thực 330 ml. 20 chai xếp trong két nhựa HDPE hoặc 24 chai xếp trong thùng giấy.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất): danh sách đính kèm.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống có cồn **QCVN 6-3:2010/BYT.**
- Quản lý ATTP theo **ISO 22000: 2005**

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp.HCM, ngày 26 tháng 09 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0304116373 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY - QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Văn Thảo Nguyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐƠN VỊ SẢN XUẤT

(Đính kèm bản tự công bố sản phẩm số 08/SGBINHTAY/2019)

STT	TÊN ĐƠN VỊ SẢN XUẤT	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1	Chi nhánh CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây – Nhà máy Bia Sài Gòn - Bình Dương	Lô B2/47-48-49-50-51, Khu công nghiệp Tân Đông Hiệp B, Phường Tân Đông Hiệp, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	
2	Chi nhánh CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây – Nhà máy Bia Sài Gòn – Hoàng Quỳnh	A73/I Đường số 7, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh	
3	Chi nhánh CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây – Nhà máy Bia Sài Gòn – Đồng Tháp	Khu công nghiệp Trần Quốc Toản, Phường 11, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	
4	Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Phủ Lý	Quốc lộ 1A, Thôn Quang Trung, Xã Thanh Hà, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam	
5	Công ty TNHH Bia Sài Gòn – Ninh Thuận	Khu công nghiệp Thành Hải, Xã Thành Hải, Thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận	

Tp.HCM, ngày 26 tháng 09 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0304116373 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY
QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Văn Thảo Nguyên

HÌNH THỨC THỂ HIỆN TRÊN BỘ NHÃN CHAI SAGOTA PURE (MÀU XANH 1)

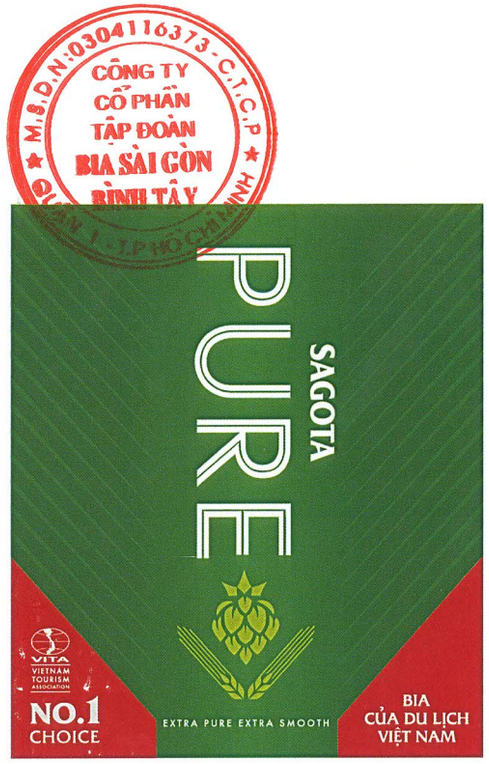

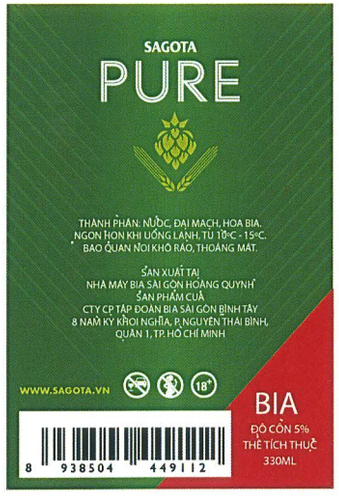

HÌNH THỨC THỂ HIỆN TRÊN KÉT NHỰA SAGOTA PURE

KT3-00751ATP9/5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM NÀY THAY THẾ PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SỐ KT3-00751ATP9/5 NGÀY 29/01/2019

THIS TEST REPORT REPLACES FOR TEST REPORT NO. KT3-00751ATP9/5 DATED 29/01/2019

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **BIA CHAI SAGOTA PURE**
2. Mô tả mẫu / *Sample description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
   Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
   As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01
4. Ngày nhận mẫu / *Date of receiving* : 19/01/2019
5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 21/01/2019 - 29/01/2019
6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp HCM**
7. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xem trang / *See page* 02 - 03/03

Thay đổi thông tin sau theo yêu cầu của khách hàng qua công văn số 14/2019/CV-SGBT ngày 15/02/2019:

The information was changed according to customer's official dispatch No. 14/2019/CV-SGBT dated 15/02/2019:

Nội dung/ *Item*	Ban đầu/ *Initial*	Thay đổi/ *Change as*
Nơi gửi mẫu / *Customer*	NHÀ MÁY BIA SÀI GÒN - HOÀNG QUỲNH A73/I Đường Số 7, KCN Vĩnh Lộc, Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BIA SÀI GÒN BÌNH TÂY 08 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp HCM

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR*
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / *Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.*
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
   This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / *Not applicable.*
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với k = 2, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
   Estimated expanded uncertainty of measurement with k = 2, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3829 4274 — Fax: (84-28) 3829 3012 — Website: www.quatest3.com.vn
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam — Tel: (84-251) 383 6212 — Fax: (84-251) 383 6298 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam — Tel: (84-28) 3742 3160 — Fax: (84-28) 3742 3174 — E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results*:

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.1. Cảm quan/ *Sensory*	TCVN 6057 : 2013	-	
• Trạng thái / *State*			Lỏng, trong *Liquid, clear*
• Màu sắc/ *Color*			Vàng đặc trưng của sản phẩm *Characteristic yellow color of beer*
• Mùi Vị / *Odor & Taste*			Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ *Characteristic, free from foreign odor & taste*
• Bọt / *Foam*			Khi rót ra cốc có bọt mịn, đặc trưng của sản phẩm *When pouring into glass, foam is smooth*
7.2. Hàm lượng chất hòa tan nguyên thủy tính theo khối lượng (^oPlato), % *Orginal extract content (^oPlato) (m/m)*	TCVN 5565 : 1991	-	11,1
7.3. Độ màu / *Color*, EBC	TCVN 6061 : 2009	-	7,20
7.4. Độ axit / *Acidity*, mL NaOH 1 M/100 mL	TCVN 5564 : 2009	-	1,61
7.5. Độ đắng / *Bitterness*, BU	TCVN 6059 : 2009	-	17,3
7.6. Hàm lượng diacetyl, mg/L *Diacetyl content*	TCVN 6058 : 1995	-	0,10
7.7. Hàm lượng etanol ở 20°C tính theo thể tích, % *Ethanol content at 20°C (v/v)*	TCVN 5562 : 2009	-	4,74
7.8. Hàm lượng cacbon dioxit hòa tan (CO_2), g/L *Carbon dioxide content*	TCVN 5563 : 2009	-	5,52
7.9. Hàm lượng aflatoxin, µg/L *Aflatoxin content*	AOAC 2016 (991.31)		
• B_1		0,25	Không phát hiện *Not detected*
• B_2		0,10	Không phát hiện *Not detected*
• G_1		0,25	Không phát hiện *Not detected*
• G_2		0,10	Không phát hiện *Not detected*

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results* :

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*
7.10. Hàm lượng chì, mg/L *Lead content*	QTTN/KT3 098 : 2016	0,018	Không phát hiện *Not detected*
7.11. Hàm lượng thiếc, mg/L *Tin content*	QTTN/KT3 162 : 2017	2,0	Không phát hiện *Not detected*
7.12. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/mL *Total aerobic plate count*	ISO 4833-1:2013	-	Nhỏ hơn 1(1) *Less than*
7.13. Coliform, CFU/mL	ISO 4832 : 2006	-	Nhỏ hơn 1(1) *Less than*
7.14. *E. Coli*, CFU/mL	ISO 16649 – 2 : 2001	-	Nhỏ hơn 1(1) *Less than*
7.15. *Clostridium perfringens*, CFU/mL	ISO 7937 : 2004	-	Nhỏ hơn 1(1) *Less than*
7.16. Enterococci, CFU/mL *Streptococci faecal*	ISO 7899-2:2000	-	Nhỏ hơn 1(1) *Less than*
7.17. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/mL *Total yeasts & moulds*	ISO 21527-1:2008	-	Nhỏ hơn 1(1) *Less than*

Ghi chú/*Notes*: (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ *According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.*